

Số:998/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1009/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thu H** – Sinh năm 1995; Số CCCD: 001195026474

Nơi thường trú: 1/21/66 Đ, phường H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 79/44/14, Tổ dân phố H, phường D, thành phố Hà Nội.

- Anh **Nguyễn Đức D** - sinh năm 1993; Số CCCD: 001093010789.

Nơi thường trú và cư trú: 1/21/66 Đ, phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thu H** và anh **Nguyễn Đức D** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống làm cho hôn nhân không hoà hợp, không sống cùng nhau được nữa. Mặc dù hai bên cũng đã có nhiều biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **H** và anh **D** có một con chung **Nguyễn Đức C** – sinh ngày 13/07/2019. Anh, chị thống nhất giao con cho anh **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị **H** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2026.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị **H** tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thu H** và anh **Nguyễn Đức D** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Đức C** – sinh ngày 13/07/2019 cho anh **D** trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Chị **H** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2026 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị **H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **H**, anh **D** không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **H**, anh **D** không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ghi nhận việc chị **Nguyễn Thu H** tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **H** đã nộp theo biên lai số 0000359 ngày 06/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị **H** đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND phường Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

